

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ HUOAI
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22-9-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Nguyễn Đình Tuấn

2. Ông Cao Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Oanh là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1984

Thường trú tại: Thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(bà H có mặt)

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1983

Thường trú tại: Thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(ông L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong các đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 12 năm 2022, ghi ngày 10 tháng 3 năm 2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Văn L trước đây đã từng ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2011, sau đó bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Văn L tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/6/2016 và không có tổ chức đám cưới. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng không còn tình cảm, ông L nhiều lần đe dọa đến tính mạng bà H. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được mâu thuẫn vợ chồng. Từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Nay bà Nguyễn Thị Thanh H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân thời gian dài, không ai quan tâm đến ai nên bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn L.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Văn L có 02 con chung là Đỗ Phúc K, sinh ngày 11/3/2011 và Đỗ Mai P, sinh ngày 23/8/2017. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung là Đỗ Phúc K, sinh ngày 11/3/2011 và Đỗ Mai P, sinh ngày 23/8/2017 cho đến khi hai con chung đến tuổi thành niên. Bà Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu ông Đỗ Văn L cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng bà Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị Thanh H không trình bày hay yêu cầu gì khác.

* Theo biên bản hòa giải ngày 27 tháng 7 năm 2023 thì bị đơn ông Đỗ Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh H trước đây đã từng ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2011, sau đó ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/6/2016 và không có tổ chức đám cưới. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ ông L đối xử tệ bạc với ông L, không chăm sóc ông L khi ông L ốm đau, vợ chồng thỉnh thoảng cãi chửi nhau, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được mâu thuẫn vợ chồng. Từ đầu năm 2023 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Nay ông Đỗ Văn L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân thời gian dài, không ai quan tâm đến ai nên ông Đỗ Văn L đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H.

- Về con chung: Ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh H có 02 con

chung là Đỗ Phúc K, sinh ngày 11/3/2011 và Đỗ Mai P, sinh ngày 23/8/2017. Khi ly hôn ông Đỗ Văn L yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng một trong hai con chung là Đỗ Phúc K, sinh ngày 11/3/2011 hoặc Đỗ Mai P, sinh ngày 23/8/2017 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên, ông Đỗ Văn L yêu cầu nuôi con chung nào cũng được. Ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra ông Đỗ Văn L không yêu cầu gì khác.

* Vụ án đã được Toà án đưa ra hoà giải nhiều lần nhưng nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Đỗ Văn L, bị đơn ông Đỗ Văn L có nơi cư trú tại thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Đỗ Văn L là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/6/2016 vì vậy hôn nhân được xác lập giữa bà H và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà H trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng không còn tình cảm, ông L nhiều lần đe dọa đến tính mạng bà H. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được mâu thuẫn vợ chồng. Từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Nay bà Nguyễn Thị Thanh H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân thời gian dài, không ai quan tâm đến ai nên bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn L. Bị đơn ông Đỗ Văn L trình bày tại biên bản hòa giải ngày 27/7/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ ông L đối xử tệ bạc với ông L, không chăm sóc ông L khi ông L ốm đau, vợ chồng thỉnh thoảng cãi chửi nhau, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được mâu thuẫn vợ chồng. Từ đầu năm 2023 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Nay ông Đỗ Văn L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân thời gian dài, không ai quan tâm đến ai nên ông Đỗ Văn L đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H. Căn cứ vào lời thừa nhận của bà H và ông L, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông L là đúng với thực tế.

Xét thấy hiện nay mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông L trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân giữa bà H và ông L không đạt được, vợ chồng không còn sống chung với nhau thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh H, cho bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Đỗ Văn L là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Văn L có 02 con chung là Đỗ Phúc K, sinh ngày 11/3/2011 và Đỗ Mai P, sinh ngày 23/8/2017. Ông Đỗ Văn L trình bày ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh H có 02 con chung là Đỗ Phúc K, sinh ngày 11/3/2011 và Đỗ Mai P, sinh ngày 23/8/2017.

Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu được nuôi 02 con chung là Đỗ Phúc K, sinh ngày 11/3/2011 và Đỗ Mai P, sinh ngày 23/8/2017 cho đến khi 02 con chung đến tuổi thành niên.

Khi ly hôn ông Đỗ Văn L yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng một trong hai con chung là Đỗ Phúc K, sinh ngày 11/3/2011 hoặc Đỗ Mai P, sinh ngày 23/8/2017 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên, ông Đỗ Văn L yêu cầu nuôi con chung nào cũng được.

Tại bản sao trích lục khai sinh số 51/TLKS-BS ngày 06/10/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thể hiện họ chữ đệm tên Đỗ Phúc K, ngày tháng năm sinh 11/3/2011, họ chữ đệm tên người mẹ Nguyễn Thị Thanh H, năm sinh 1984, họ chữ đệm tên người cha Đỗ Văn L, năm sinh 1983. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định Đỗ Phúc K, ngày tháng năm sinh 11/3/2011 là con chung của bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Văn L.

Tại bản sao giấy khai sinh số 335 ngày 17/9/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng thể hiện họ chữ đệm tên Đỗ Mai P, ngày tháng năm sinh 23/8/2017, họ chữ đệm tên người mẹ Nguyễn Thị Thanh H, năm sinh 1984, họ chữ đệm tên người cha Đỗ Văn L, năm sinh 1983. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định Đỗ Mai P, ngày tháng năm sinh 23/8/2017 là con chung của bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Văn L.

Xét thấy hiện nay con chung Đỗ Phúc K có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị Thanh H và hiện nay 02 con chung Đỗ Phúc K, Đỗ Mai P đang ở với bà H vẫn phát triển tốt, còn ông Đỗ Văn L yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng một trong hai con chung, ông Đỗ Văn L yêu cầu nuôi con chung nào cũng được. Con chung Đỗ Mai P còn nhỏ và là con gái nên cần bàn tay chăm sóc của người mẹ hơn. Bà H có chỗ ở hợp pháp và có thu nhập nên đủ điều kiện nuôi 02 con chung. Để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại hay tâm lý của 02 con chung đồng thời để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của 02 con chung căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung là Đỗ Phúc K, sinh ngày 11/3/2011 và Đỗ Mai P, sinh ngày 23/8/2017 cho bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi 02 con chung đến tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu ông Đỗ Văn L cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Đỗ Phúc K, sinh ngày 11/3/2011 và Đỗ Mai P, sinh ngày 23/8/2017 nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Đỗ Phúc K, sinh ngày 11/3/2011 và Đỗ Mai P, sinh ngày 23/8/2017 là đúng pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Văn L có tài sản chung nhưng bà Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, ông Đỗ Văn L trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Văn L không có nợ chung và ông Đỗ Văn L trình bày vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H đối với ông Đỗ Văn L về việc tranh chấp ly hôn.

Cho bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Đỗ Văn L.

2. Về con chung:

Giao hai con chung là Đỗ Phúc K, sinh ngày 11/3/2011 và Đỗ Mai P, sinh ngày 23/8/2017 cho bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Ông Đỗ Văn L không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung Đỗ Phúc K, sinh ngày 11/3/2011 và Đỗ Mai P, sinh ngày 23/8/2017.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên liên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011079 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 22/9/2023); Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự, các Điều 7 và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đa Huoai;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Đinh Xuân Trường